

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-PT
Ngày 17-6-2022
V/v “Tranh chấp chia tài sản
chung trong thời kỳ hôn nhân”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Luông;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;
Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 5 và ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 12/01/2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân” do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 29/2019/HNGĐ-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2022/QĐ-PT, ngày 10/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1984; thường trú tại: Số 16, đường Nguyễn Trung Trực, phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1960; trú tại: A11/4A, đường 385, phường Tăng Nhơn A, thành phố T, Thành phố H (theo Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2017), có mặt;

Bị đơn: Ông Hồ Thanh H, sinh năm 1973; thường trú tại: Số 30/1, khu phố 1A, phường A, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1987; địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại – Dịch vụ HA (sau đây gọi tắt là Công ty HA); trụ sở: Số 30/1, khu phố 1A, phường A, thành phố T, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh H – Chức vụ Giám đốc Công ty, có mặt;

2. Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1942; trú tại: Số 30/1, khu phố 1A, phường A, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt;

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng VPBANK); trụ sở chính: Số 89, đường L, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Bảo N, chức vụ: chuyên viên; địa chỉ: Số 557, Đại lộ Bình Dương, phường H, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Hồ Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2017 và đơn thay đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2017 và trong quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy A và người đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy A và ông Hồ Thanh H đăng ký kết hôn ngày 17/12/2009 và ly hôn vào ngày 21/6/2016 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 356/2016/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2016 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An. Theo nội dung quyết định, bà A và ông H thuận tình ly hôn, về con chung bà A trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hồ Nguyễn Quỳnh Thư, sinh ngày 30/6/2011, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung, bà A nộp đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập được các tài sản gồm:

- 01 xe ô tô hiệu Fortuner, Biển kiểm soát số 61P - 2485.

- 01 phần đất có diện tích khoảng 2.000m² do cha mẹ chồng cho, tọa lạc tại số 30/1 khu 1A, phường A, thành phố T, tỉnh B (tài sản trên đất có 01 nhà ở, 24 căn phòng trọ, 01 nhà xưởng, 01 cửa hàng xe máy), 01 căn nhà 80m² tại phường C, thành phố T, tỉnh B.

Ngày 19/5/2018, bà A bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H chia khoản tiền thu nhập từ việc cho thuê 24 phòng trọ, từ 20/02/2016 đến tháng 8/2018 tạm tính là 300.000.000 đồng; chia 1/3 thu nhập từ việc kinh doanh cửa hàng xe máy

trong 30 tháng tương đương số tiền 300.000.000 đồng. Đồng thời bà rút yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản là căn nhà ở phường C, thành phố T, tỉnh B.

Bà A yêu cầu được chia 1/2 giá trị tài sản chung giữa bà A và ông H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng của bị đơn ông Hồ Thanh H trình bày:

Ông H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về tình trạng hôn nhân.

Về phần tài sản, ông H không đồng ý với lời trình bày của bà Anh. Ông H xác định khi bà A về chung sống với ông thì các loại tài sản nêu trên đã có sẵn, ông và bà A có vay tiền Ngân hàng để tồn tạo thêm. Giữa vợ chồng có tài sản chung là chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển kiểm soát 61A – 2485, được vợ chồng mua sắm trong thời kỳ hôn nhân.

Đối với phần đất khoảng 2.000m² mà bà A trình bày là diện tích đất ông H được cha, mẹ (ông Hồ Văn R, bà Nguyễn Ngọc Á) tặng cho riêng theo hợp đồng tặng cho được công chứng ngày 13/10/2010, có diện tích 2.032,2m², tọa lạc tại số 30/1 khu phố 1A, phường A, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B, được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất, ông H chuyển nhượng cho ông Đoàn Minh Linh 255,7m², ông Nguyễn Văn Tuổi 198,5m², diện tích đất còn lại 1.301,3m². Khi ông H nhận tài sản do cha mẹ tặng cho, trên đất đã có sẵn tài sản gắn liền, như: nhà ở phía trước (ông H dùng để kinh doanh sửa xe máy); phía sau là dãy nhà trọ (32 phòng trọ, vách tường xây tô, nền gạch, mái tole), ông H tháo dỡ 08 phòng trọ để xây nhà kho (nhà xưởng), chi phí xây dựng do bà Á đầu tư. Số phòng trọ còn lại là 24 phòng, bà Á đầu tư chi phí sửa chữa, giao cho ông H quản lý, hiện ông H đang cho thuê với giá 1.000.000 đồng/tháng/phòng, trung bình mỗi tháng cho thuê khoảng 20 phòng.

Cửa hàng xe máy là tài sản của Công ty HA hình thành trong thời kỳ hôn nhân, được đầu tư bằng nguồn tiền do ông H bán đất và vay ngân hàng, Công ty do ông H đại diện theo pháp luật.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà A có vay tiền của các tổ chức cá nhân như sau:

Vay của Ngân hàng VPBank các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số BDG/14/0037A/HĐTD ngày 19/5/2014, với số tiền 1.000.000.000 đồng;
- Hợp đồng tín dụng số BDG/15/0079A/HĐTD ngày 20/8/2015, với số tiền 300.000.000 đồng;
- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 5816568 ngày 07/01/2016, cá nhân tôi đứng tên vay với số tiền 180.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số BDG/15/0057A/HĐTD ngày 28/7/2015 với số tiền 100.000.000 đồng;

Vay nợ của các cá nhân gồm:

- Vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 500.000.000 đồng vào năm 2015;

- Vay của ông Nguyễn Nhật A số tiền 100.000.000 đồng vào năm 2015.

Tất cả các khoản vay đã được ông H thanh toán.

Ông H xác định tài sản chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà A chỉ có chiếc xe ô tô hiệu Fortuner, biển số 61A – 2485, mua sắm bằng tiền vay ngân hàng, các tài sản khác đều là tài sản riêng của ông, nên ông không đồng ý chia cho bà Anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng VPBank do ông Nguyễn Bảo N là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ông H và bà A có vay nhiều khoản tiền tại Ngân hàng VPBank để phục vụ kinh doanh và tiêu dùng. Việc tranh chấp tài sản giữa bà Anh, ông H liên quan đến các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số BDG/14/0037A/HĐTD ngày 19/5/2014, ông H đứng tên vay với số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng;

- Hợp đồng tín dụng số BDG/15/0079A/HĐTD ngày 20/8/2015, ông H và bà A đứng tên hợp đồng vay với số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng;

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 5816568 ngày 07/01/2016, ông H đứng tên vay với số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng.

Tính đến thời điểm tháng 4/2019, các hợp đồng trên đã được ông H thanh toán. Tính từ ngày 20/6/2016 đến khi ông H tắt toán các hợp đồng nêu trên, các khoản thanh toán được xác định tổng cộng là 1.473.199.638 đồng, gồm 1.145.930.395 đồng tiền gốc và 327.269.243 đồng tiền lãi (Ngân hàng sẽ cung cấp bảng kê chi tiết sau). Ngân hàng không có ý kiến về tranh chấp giữa các đương sự và không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Á vắng mặt tại phiên tòa, tại cấp sơ thẩm bà Á đã trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông H về nguồn gốc, số tài sản tranh chấp. Toàn bộ nhà trọ là tài sản của bà Á nhưng đã giao cho ông H quản lý hộ. Vào thời điểm vợ chồng bà Á tặng cho đất ông H thì đã có nhà ở hiện nay dùng kinh doanh phụ tùng và sửa chữa xe máy. Nhà trọ này do bà Á bỏ tiền ra sửa chữa lại năm 2010, có 30 căn nhưng ông H đã đập bỏ 6 căn để xây dựng nhà kho. Số tài sản trên là của bà Anh, hiện bà Á vẫn chưa cho ông H và bà Á không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty HA do ông Hồ Thanh H là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Xác định toàn bộ tài sản tại Công ty HA là của Công ty, không ai có công sức đóng góp gì nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu chia đất bằng yêu cầu trích công sức đóng góp bằng 10% giá trị quyền sử dụng đất; rút yêu cầu chia thu nhập từ việc kinh doanh sửa xe.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2019/HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2019 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 29/2019/QĐ-SCBSBA ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử chia tài sản chung là căn nhà tại khu phố Chánh Lộc, phường C, thành phố T, tỉnh B;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy A đối với bị đơn ông Hồ Thanh H về việc “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”;

Buộc ông H có trách nhiệm chia cho bà A số tiền 2.121.904.000 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi một triệu chín trăm lẻ bốn nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 1301,3m², tọa lạc tại khu phố 1A, phường A, thành phố T, tỉnh B thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 172 (D3), đã được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Thanh H có tứ cận như sau: Bắc giáp tường xây 88,06m; Nam giáp Đoàn Minh L 43,8m + 49,45m; Tây giáp tường xây 14,93m; Đông giáp đường DT 743 11,8m. Ông H được quyền sở hữu các công trình. (Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông H được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà ở và garage sửa xe (cột gạch, tường xây gạch, mái tole, có đóng trần, nền gạch men có diện tích 376,2m² (ký hiệu 1); 24 căn nhà trọ (tường xây, mái tole, nền gạch men) có diện tích 327,1m² (ký hiệu 2); 01 nhà xưởng (tường xây, mái tole, nền gạch men) có diện tích 149,6m² (ký hiệu 3); 01 xe ô tô hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, màu sơn bạc, số máy: 6534709; số khung: 4003251, sản xuất năm 2010, 07 chỗ; biển số: 61P-2485.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi án tuyên, ngày 27/5/2019, bị đơn ông Hồ Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn có trách nhiệm chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đồng thời chia cho nguyên đơn phần hoa lợi, lợi tức từ việc khai thác tài sản chung đến thời điểm giải quyết phúc thẩm.

Đại diện hợp pháp bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử khấu trừ khoản tiền bị đơn đã thanh toán các khoản nợ chung vào nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn, đồng thời xem xét phần công sức quản lý, sửa chữa, nộp thuế,... của bị đơn trong thời gian từ tháng 6/2016 đến thời điểm giải quyết phúc thẩm là 5.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu:

- Thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

- Về nội dung: Theo quyết định giám đốc thẩm số 07 ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H thì việc giải quyết chia xe ô tô và 01 phần tài sản trên đất (nhà trọ, nhà xưởng) cho bà A là có cơ sở; xác định phần đất tại 30/1, khu phố 1A, phường A, thành phố T, tỉnh B là tài sản riêng của ông H là đúng. Do đó, cần giữ nguyên quyết định đối với phần này; đối với phần tính công sức đóng góp duy trì, bảo quản tài sản của bà A 5% giá trị quyền sử dụng đất là không phù hợp nên không có cơ sở chia cho bà Anh.

Lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc đề nghị chia hoa lợi, lợi tức đến thời điểm giải quyết phúc thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

Yêu cầu của đại diện bị đơn về việc khấu trừ phần nợ chung và xem xét công sức quản lý, sửa chữa, nộp thuế... của ông H từ tháng 6/2016 đến thời điểm giải quyết phúc thẩm mỗi tháng 5.000.000 đồng. Yêu cầu của đại diện bị đơn thực hiện không đúng trình tự thủ tục, nên không thể xem xét trong vụ án này. Nếu bị đơn có yêu cầu có thể khởi kiện để được giải quyết trong một vụ án khác (phần này đã được cấp sơ thẩm xem xét, nhận định trong bản án sơ thẩm và không bị cấp giám đốc thẩm xem xét lại).

Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chưa phù hợp quy định pháp luật 01 phần (phần tính công sức đóng góp duy trì, bảo quản tài sản của bà A 5% giá trị quyền sử dụng đất), có căn cứ chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chia phần công sức tính công sức đóng góp duy trì, bảo quản tài sản của bà A 5% giá trị đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo đúng thủ tục và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn khởi kiện bổ sung nội dung, yêu cầu chia 1/3 thu nhập từ việc kinh doanh cửa hàng xe máy tương đương số tiền 300.000.000 đồng (bút lục 36). Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện nêu trên, nhưng tại phần quyết định của bản án Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nêu trên là có thiếu sót. Tuy nhiên vi phạm này không phải là vi phạm nghiêm trọng, cấp phúc thẩm sẽ công bố đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thống nhất tài sản tranh chấp trong vụ án gồm: Nhà ở diện tích 242,2m²; khu nhà trọ diện tích 149,6m²; tiền thu nhập từ việc cho thuê 24 căn phòng phòng trọ từ tháng 6/2016 đến tháng 5/2019 là 35 tháng; 01 nhà xưởng diện tích 149,6m²; 01 cửa hàng xe máy (garage) diện tích 34m²; 01 xe ô tô hiệu Fortuner, biển kiểm soát số 61P-2485; phần công sức đóng góp duy trì, bảo quản tài sản đối với phần đất có diện tích 1301,3m² tọa lạc tại 30/1 khu 1A, phường A, thành phố T, tỉnh B. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý với quyết định Bản án sơ thẩm số 29/2019/HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu tiền lãi trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn và chia hoa lợi, lợi tức kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến thời điểm xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, sau khi nghe giải thích của Hội đồng xét xử đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu.

[3] Về kháng cáo của bị đơn Hồ Thanh H: Qua xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Xe ô tô hiệu FORTUNER biển kiểm soát 61P-2485: bà A và ông H thống nhất là tài sản chung của vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận tài sản trên là tài sản chung của bà A và ông H để chia là có căn cứ.

[3.2] Đối với tài sản có trên đất gồm nhà ở, nhà trọ, cửa hàng xe máy (garage) và nhà xưởng: Ông H và bà Á (mẹ ruột của ông H) khẳng định những tài sản này có trước khi bà A kết hôn với ông H, chỉ có nhà xưởng là năm 2010 sau khi kết hôn ông H phá dỡ bớt một số căn nhà trọ để làm. Bà A xác định tài sản trên đất là tài sản chung giữa bà và ông H, bà yêu cầu phân chia nhưng không xuất trình được chứng

cứ, tài liệu chứng minh những tài sản này là bà và ông H tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân hay được tặng cho chung. Do đó, có cơ sở để xác định: những tài sản này chủ yếu do ông H được cha mẹ ruột cho riêng, có trước khi ông H và bà A kết hôn. Tuy nhiên, ông H phá dỡ một số căn nhà trọ để làm nhà xưởng trong thời kỳ hôn nhân và thực tế ông H, bà A cùng khai thác công dụng của tài sản, phục vụ vào chi phí sinh hoạt gia đình, tái đầu tư phát triển kinh tế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà A được hưởng 1/2 giá trị những tài sản trên đất là hợp lý, hợp tình và có căn cứ.

[3.3] Đối với phần thu nhập từ nhà trọ, thấy rằng: Nhà trọ do bà A đầu tư xây dựng, sửa chữa và cho thuê. Theo bà A thì bà cho riêng ông H năm 2009 để ông quản lý trông coi, thu tiền. Theo biên bản đối chất ngày 05/8/2018 ông H xác định 24 căn nhà trọ được xây dựng vào năm 2010, ông và bà A kết hôn hợp pháp và chung sống với nhau từ ngày 17/12/2009, có cơ sở để xác định tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ông H xác định nguồn tiền xây nhà trọ do cha mẹ cho nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ. Ngoài ra, trong thực tế ông H đã tự nguyện sử dụng khoản thu nhập từ nhà trọ để vào chi tiêu chung và phát triển kinh tế trong gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H chia cho bà A một phần thu nhập từ nhà trọ là hợp lý, có căn cứ pháp luật.

[3.4] Đối với phần đất có diện tích 1.301,3m² tọa lạc tại 30/1 khu phố 1A, phường A, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B: Bà A thừa nhận đây là tài sản ông H được cha mẹ ruột tặng cho riêng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản riêng ông H là có căn cứ. Bà A đã được chia giá trị tài sản trên đất, được chia thu nhập từ nhà trọ, trong khi hầu hết những tài sản trên đất và thu nhập từ nhà trọ không phải là tài sản chung của bà Anh, ông H. Như vậy, bà A đã được chia lợi tức từ việc khai thác công dụng của những tài sản không phải là tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác, sau khi ly hôn bà A chuyển đi sinh sống ở nơi khác, ông H phải trả các khoản nợ vay mà vợ chồng đã vay trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà A có công sức đóng góp duy trì, bảo quản tài sản, từ đó căn cứ vào Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình để trích chia cho bà A thêm 5% giá trị quyền sử dụng phần đất nêu trên không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Như vậy, tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Anh, ông H được xác định gồm: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 242m², 24 phòng trọ diện tích 327,1m², nhà xưởng diện tích 149,6m², cửa hàng xe máy (Garage) diện tích 34m², 01 ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 61P-2485 và khoản tiền thu nhập từ nhà trọ trong 35 tháng.

Về giá trị tài sản: Tại cấp sơ thẩm, tài sản tranh chấp giữa ông H, bà A đã được thẩm định tại Biên bản định giá ngày 28/02/2018 (Bút lục số 280); tại cấp phúc thẩm bà A có đơn yêu cầu thẩm định lại giá trị tài sản tranh chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử sử dụng kết quả định giá tại cấp sơ thẩm để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể:

- 01 căn nhà cấp 4 diện tích 242m², trị giá 422.881.200 đồng;
- Nhà trọ diện tích 327,1m² (24 phòng), trị giá 474.295.000 đồng;
- Nhà xưởng diện tích 149,6m², trị giá 146.982.000 đồng;
- Cửa hàng xe máy (Garage) diện tích 34m², trị giá 17.850.000 đồng;
- Xe ô tô Toyota Fortuner biển số 61P-2485, trị giá 430.000.000 đồng;
- Khoản thu nhập từ nhà trọ trong 35 tháng: 700.000.000 đồng.

Tổng cộng trị giá: 2.192.008.200 đồng.

Sau khi bà A rời đi, ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác các loại tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho ông H quyền sở hữu và tiếp tục khai thác tài sản, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán cho bà A 50% giá trị tài sản là phù hợp. Cụ thể, ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà A số tiền 2.192.008.200 đồng x 50% = 1.096.004.100 đồng.

[3.5] Về các khoản vay, nợ chung: Ông H, bà A thừa nhận trong giai đoạn tồn tại quan hệ hôn nhân có phát sinh các khoản nợ vay tại Ngân hàng VPBank. Từ sau khi ly hôn cho đến thời điểm thanh toán hợp đồng vay, ông H là người trực tiếp thanh toán. Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm không xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp bị đơn đề nghị xem xét nghĩa vụ chung của nguyên đơn. Sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích, đại diện bị đơn thống nhất sẽ khởi kiện bằng vụ án khác khi có nhu cầu. Theo thông tin do Ngân hàng VPBank cung cấp, các hợp đồng vay có liên quan việc tranh chấp tài sản giữa bà Anh, ông H đã được ông H thanh toán từ ngày 21/6/2016 đến khi tất toán là 1.473.199.638 đồng, gồm 1.145.930.395 đồng tiền gốc và 327.269.243 đồng tiền lãi.

[3.6] Đối với yêu cầu của ông H về việc khấu trừ khoản tiền mà ông H đã thanh toán nợ chung vào nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn và xem xét phần công sức quản lý, sửa chữa, nộp thuế,... của ông H trong thời gian từ tháng 6/2016 đến thời điểm giải quyết phúc thẩm. Về phần phần nợ chung, ông H đã không có yêu cầu yêu cầu phản tố, bản án sơ thẩm đã nhận định và xem xét, yêu cầu của đương sự không đúng trình tự thủ tục, nên không thể xem xét trong cùng vụ án, đương sự có

thể yêu cầu để được giải quyết trong một vụ án khác. Về phần công sức của bị đơn trong việc quản lý, sửa chữa tài sản chung, nộp thuế ... do bị đơn không cung cấp thông tin, chứng cứ, tài sản trên đất có sự thay đổi, một phần tài sản không còn tồn tại, nên không có cơ sở xem xét tại phiên tòa hôm nay.

[4] Kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu theo quy định.

[6] Chi phí tố tụng khác: Bà A phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định, định giá lại tài sản tranh chấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồ Thanh H.

2. Sửa một phần Quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2019/HNGĐ-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ xét xử chia tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại khu phố Chánh Lộc, phường C, thành phố T, tỉnh B.

2.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện chia 1/3 thu nhập từ việc kinh doanh cửa hàng xe máy trong 30 tháng tương đương số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

2.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy A đối với bị đơn ông Hồ Thanh H về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”, buộc ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà A số tiền 1.096.004.100 đồng (một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu không trăm lẻ bốn nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông H được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 1.301,3m², tọa lạc tại khu phố 1A, phường A, thành phố T, tỉnh B thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 172 (D3), đã được Ủy ban nhân dân huyện Thuận An (nay là thị xã Thuận An) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Thanh H có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp tường xây 88,06m; Phía Nam giáp Đoàn Minh Linh 43,8m + 49,45m; Phía Tây giáp tường xây 14,93m; Phía Đông giáp đường DT 743 11,8m.

Ông H được quyền sở hữu các công trình trên đất.

Ông H được quyền sở hữu các tài sản sau: 01 nhà ở và cửa hàng xe máy (garage), kết cấu: cột gạch, tường xây gạch, mái tole, có đóng trần, nền gạch men có diện tích 376,2m² (ký hiệu 1); 24 căn nhà trọ (tường xây, mái tole, nền gạch men) có diện tích 327,1m² (ký hiệu 2); 01 nhà xưởng (tường xây, mái tole, nền gạch men) có diện tích 149,6m² (ký hiệu 3); 01 xe ô tô hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, màu sơn bạc, số máy: 6534709; số khung: 4003251, sản xuất năm 2010, 07 chỗ; biển số: 61P-2485.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu 44.880.123 đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn một trăm hai mươi ba đồng). Bà Nguyễn Thị Thùy A phải chịu 44.880.123 đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn một trăm hai mươi ba đồng) được trừ vào số tiền 15.200.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng) và 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0023512 ngày 22/5/2018 và thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018198 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị Thùy A còn phải nộp số tiền 16.680.123 (mười sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn một trăm hai mươi ba) đồng.

2.5. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn tự nguyện chịu 5.301.521 (Năm triệu ba trăm lẻ một nghìn năm trăm hai mươi một đồng) được trừ vào số tiền bà A đã nộp cho Tòa án. Bà A đã thực hiện xong.

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Hồ Thanh H không phải nộp Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho ông H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2016/0035328 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- TAND thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Luông